

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DSPT

Ngày: 29/9/2023

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Hoàng Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLPT-DS ngày 09/8/2023 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố TS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2023/QĐ-PT, ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, S năm 1947.

Địa chỉ: Khu phố VT, phường HM, thành phố TS, tỉnh BN (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, S năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố KT, phường HM, thành phố TS, tỉnh BN (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc S (tên thường gọi Tư Cụt), S năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố VT, phường HM, thành phố TS, tỉnh BN.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Q, S năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố KT, phường HM, thành phố TS, tỉnh BN.

2. Bà Chu Thị B, S năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện YP, tỉnh BN.

3. Ông Dương Văn C, S năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn HH, xã LH, huyện ĐA, thành phố HN.

4. Ông Đỗ Xuân Long, S năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn GT, xã LH, huyện ĐA, thành phố HN.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nên và người đại diện theo ủy quyền của bà Nên trình bày: Bà Nên và bà H không có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng gì, chỉ là quen biết nhau. Nhưng bà H vẫn gọi bà Nên bằng mẹ. Ngày 29/6/2013 (âm lịch) bà Nên cho bà H vay tiền. Bà H có biên nhận với bà Nên nội dung “Cầm của mẹ số tiền 41.400.000 đồng”. Bà Nên yêu cầu bà H pH trả lại số tiền trên và lãi suất từ ngày vay đến nay theo quy định của pháp luật. Chồng bà H là ông Nguyễn Văn Q không liên quan đến giao dịch giữa bà Nên và bà H. Bà Nên không yêu cầu ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H xác nhận không có quan hệ huyết thống hay nuôi dưỡng gì với bà Nên. Nhưng hai người chơi với nhau và bà H thường qua lại nhà bà Nên, ông S. Bà H gọi bà Nên là mẹ nuôi. Năm 2013, bà H nghe theo nhiều người tham gia bán hàng đa cấp với một Công ty (không nhớ rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở HN. Bà H cùng nhiều người dân đều tham gia dưới hình thức nộp một khoản tiền vào công ty, nhận một số mặt hàng về dùng thử, bán và giới thiệu lại cho người khác tham gia. Nếu càng giới thiệu được nhiều người thì càng được công ty trả tiền hoa hồng cao. Người tham gia đã nộp tiền vào công ty thì cũng được trả lãi cao hơn lãi suất gửi tiết kiệm vào ngân hàng.

Bà Nên được vào bà H dẫn ra trụ sở của công ty bán hàng đa cấp. Bà Nên cũng đồng ý tham gia nhưng không mang tiền. Bà Nên đồng ý mua gói chơi với giá trị 41.400.000 đồng. Vì già không ra được HN nữa nên có nhờ bà H cầm tiền và nộp hộ. Bà Nên đã đăng ký gói chơi 41.400.000 đồng, nhưng chỉ có 17.000.000 đồng đưa cho bà H.

Bà H là trưởng nhóm, do hám lợi và nếu có nhiều người chơi thì bà H càng được hưởng hoa hồng cao và được nhiều ưu đãi khác nên bà H ứng ra số tiền

24.400.000 đồng để cho bà Nền vay cho đủ số tiền đóng vào mua hàng đa cấp (một gói). Bà H có viết trong sổ bà Nền nội dung: Ngày 29/6/2013 cầm của mẹ 41.400.000 đồng. Khi bà H đóng số tiền trên cho bà Nền, không được công ty giao cho bất cứ giấy tờ gì mà chỉ được phát một tờ ghi mã số. Sau này, bà H có đến Công ty một vài lần để đòi lại tiền, nhưng hiện nay Công ty này không còn hoạt động và không có trụ sở tại địa điểm cũ nữa. Bà H cùng mọi người khác cùng chơi bán hàng đa cấp biết là đã bị Công ty này lừa đảo để lấy tiền.

Bà H không chấp nhận trả bà Nền số tiền trên vì là tiền bà Nền chơi đa cấp đã mất. Bà H cũng bị mất nhiều tiền hơn thế. Bà H chỉ cầm tiền để nộp hộ bà Nền. Nay công ty không trả lại thì bà Nền cũng phải chịu rủi ro cùng.

Những người làm chứng là ông Q, bà B, ông Cát, ông Long đều thống nhất trình bày: Biết bà H là trưởng nhóm của những người chơi đa cấp. Các ông bà cũng đã gặp bà H tại trụ sở của công ty bán hàng đa cấp đó để nộp tiền vào công ty. Họ không chứng kiến trực tiếp sự việc bà Nền giao tiền cho bà H. Nhưng là người chứng kiến việc bà H nộp tiền vào công ty đa cấp. Họ cũng đều là nạn nhân và cũng bị mất hết số tiền đã nộp vào công ty này. Khi nộp tiền không ai được giao nhận bất cứ giấy tờ biên nhận gì, chỉ được cấp mã số và nhân viên nhập vào máy tính của công ty. Hiện cũng không đòi lại được tiền từ công ty này. Ai tham gia chơi cũng đều mất hết mà không biết họ ở đâu để khởi kiện.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ vào các Điều 87, 147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 274, 275, 276, 463, 346 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nền và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Khắc S về việc buộc bà Trần Thị H trả lại khoản tiền đã nhận của bà Nền. Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Nền và ông Nguyễn Khắc S số tiền đã nhận là 41.400.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Khắc S về việc buộc bà Trần Thị H thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền đã nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2023, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Trần Thị H pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Giữa bà Nguyễn Thị Nền và bà Trần Thị H không có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng nhưng chơi với nhau nhưng bà H gọi bà Nền là mẹ nuôi. Theo bà Nền trình bày, bà có cho bà H vay số tiền 41.400.000 đồng và bà H có viết biên nhận với nội dung: Cầm của mẹ số tiền 41.400.000 đồng. Do đó bà Nền khởi kiện yêu cầu bà H pH trả bà số tiền 41.400.000 đồng, bà Nền không yêu cầu bà H pH trả lãi; phía bị đơn là bà Trần Thị H thừa nhận bà có viết biên nhận với bà Nền như vậy là đúng. Nhưng đó không pH là tiền vay mà là tiền bà Nền gửi bà để nộp vào công ty bán hàng đa cấp hộ bà Nền. Hiện tại công ty này không còn hoạt động và không có trụ sở tại địa điểm cũ nữa do đó số tiền của bà Nền đã mất. Vì vậy bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Thị H pH trả cho bà Nguyễn Thị Nền số tiền là 41.400.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Xét kháng cáo của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 29/6/2013 thể hiện nội dung: Ngày 29/6/2013 cầm của mẹ 41.400.000 đồng, không có nội dung về thỏa thuận về việc vay tiền, về thời hạn vay, lãi suất. Phía bà Nền cho rằng mặc dù không ghi thời hạn vay và lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng là vay không thời hạn, không lãi suất, khi nào bà Nền cần thì yêu cầu bà H trả; phía bà H không công nhận lời trình bày của bà Nền. Bà Nền cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy biên nhận còn không có chứng cứ nào thể hiện việc cho bà H vay số tiền trên. Do đó, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây không phải là quan hệ về hợp đồng vay tài sản là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng bà Nên tham gia chơi bán hàng đa cấp để được hưởng lãi cao hơn lãi suất ngân hàng mà bà H là trưởng nhóm nên bà Nên đã nhờ bà H mang tiền nộp vào công ty đa cấp để đóng đủ tiền cho một gói chơi nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà Nên nhờ bà H đóng tiền đa cấp cũng như không có giấy tờ gì của phía công ty xác nhận bà Nên có mua gói chơi với số tiền là 41.400.000 đồng. Bà H trình bày bà chỉ nhận 17.000.000 đồng từ bà Nên còn lại 24.400.000 đồng là tiền của bà bù vào nhưng bà H lại thừa nhận bà là người viết giấy biên nhận cầm số tiền 41.400.000 đồng của bà Nên, ngoài ra không có ai chứng kiến hay xác nhận bà Nên chỉ đưa số tiền 17.000.000 đồng cho bà H. Do đó, căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nên có quyền đòi lại tài sản từ phía bà H là phù hợp.

Ngoài ra, bà H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty tập đoàn thế giới diệu kì tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thấy bà Nên chỉ khởi kiện đòi bà H số tiền 41.400.000 đồng, bà Nên không thừa nhận việc nhờ bà H đi gửi tiền tham gia chơi đa cấp, phía bà H cũng xác nhận viết giấy biên nhận cầm 41.400.000 đồng của bà Nên, những người làm chứng là ông Dương Văn Cát, ông Đỗ Xuân Long và bà Nguyễn Thị Cần cũng chỉ xác nhận bà H là người tham gia chơi đa cấp và chứng kiến việc bà H đi đóng tiền chứ không chứng kiến việc bà Nên giao tiền cho bà H hay bà Nên tham gia chơi đa cấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận quan hệ pháp luật của vụ án là “Kiện đòi tài sản” giữa bà Nên và bà H và không đưa Công ty tập đoàn thế giới diệu kì tham gia tố tụng là phù hợp.

Như vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Nên số tiền 41.400.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Bà Trần Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166, 274, 275, 276, 463, 346 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nên và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc S về việc buộc bà Trần Thị H trả lại khoản tiền đã nhận của bà Nên. Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Nên và ông Nguyễn Khắc S số tiền 41.400.000đ (B mươi một triệu B trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Khắc S về việc buộc bà Trần Thị H thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền đã nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H pH chịu 2.070.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Trần Thị H đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0560 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án thành phố TS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình

Hoàng Ngọc Sơn

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thành phố TS;
- Chi cục THADS thành phố TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính